TAND HUYỆN VĂN BÀN TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày 10/6/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vi Thị Loan;

2. Ông Hoàng Văn Thứ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn Đ, sinh ngày 04/9/1988 tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lương Văn T (đã chết) và bà Thể Thị T1, sinh năm 1953; có vợ là chị Lự Thị V, sinh năm 1993; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017. Hiện đều trú tại: Xã C, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/11/2023 đến ngày 25/11/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Văn T2, sinh ngày 23/6/2002, tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn L2, xã K, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1980 và bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1981. Hiện đều trú tại: Xã K, huyện V, tỉnh L. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/11/2023 đến ngày 25/11/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

3. Triệu Phúc H, sinh ngày 10/11/2000, tại huyện Y, tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn S, xã Q, huyện Y, tỉnh B; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp

9/12; Dân tộc: Dao; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Triệu Tiến C sinh năm 1983 và bà Triệu Thị N, sinh năm 1984; có vợ là Hoàng Thị G, sinh năm 2003. Hiện trú tại: xã Q, huyện Y, tỉnh B.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/11/2023 đến ngày 25/11/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

4. Vương Văn Tr, sinh ngày 02/5/1985 tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Vương Văn Tr1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962; có vợ là Lương Thị A, sinh năm 1985; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008. Hiện đều trú tại: Xã Ch, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/11/2023 đến ngày 25/11/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Văn V, sinh ngày 10/10/1978 tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn B4, Xã Ch, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Văn H (đã chết) và bà La Thị M, sinh năm 1958; có vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003. Hiện đều trú tại: Xã Ch, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/11/2023 đến ngày 25/11/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn N, sinh ngày 01/01/1978 tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Lương Thị B, sinh năm 1939; có vợ là Nguyễn Thị S, sinh năm 1982; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2002. Hiện đều trú tại: Xã Ch, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/11/2023 đến ngày 25/11/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

7. Lương Văn Th, sinh ngày 30/7/1994 tại huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lương Văn Q, sinh năm 1974 và bà La Thị H1, sinh năm 1973; có vợ là Lục Thị H2, sinh năm 1996; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất

sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020. Hiện đều trú tại: Xã Ch, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/11/2023 đến ngày 25/11/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Ngọc Q, sinh ngày 10/01/1988, tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh L Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Hiếu Q1, sinh năm 1961 và bà Vũ Thị E, sinh năm 1964; có vợ là Lương Thị M, sinh năm 1990; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020. Hiện đều trú tại: Xã K, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thanh G, sinh ngày 16/9/2002, tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn Kh, xã P, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1980. Hiện đều trú tại: Xã P, huyện V, tỉnh L. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

10. Ngô Đức T5, sinh ngày 24/6/2002, tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn C2, xã K, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Ngô Văn H3, sinh năm 1981 và bà Lục Thị L1, sinh năm 1983. Hiện đều trú tại: Xã K, huyện V, tỉnh L. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

11. Nông Văn E, sinh ngày 17/02/1983 tại huyện V, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn B4, Xã Ch, huyện V, tỉnh L; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nông Văn T6 (đã chết) và bà Vi Thị T7, sinh năm 1954; có vợ là Lương Thị N4, sinh năm 1986; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2005. Hiện đều trú tại: Xã Ch, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Anh Hoàng Đức A, sinh năm 2002 – Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh L.

Người chứng kiến: Chị La Thị N6, sinh năm 1986 – Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 19/11/2023 tại Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai, Công an huyện V bắt quả tang các đối tượng đang có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa, gồm: Lương Văn Đ, Hoàng Văn T2, Triệu Phúc H, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Lương Văn Th. Ngoài ra có Hoàng Đức A, sinh năm 2002, nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh L, có mặt tại đây nhưng không tham gia đánh bạc, khi bắt quả tang có một số đối tượng đã chạy thoát. Quá trình điều tra, có Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5, Nông Văn E, La Ngọc N đã ra đầu thú, và khai nhận hành vi phạm tội. Nguyễn Thanh G giao nộp số tiền 300.000 đồng đã sử dụng để đánh bạc.

Vật chứng thu giữ gồm: ** Thu giữ trên chiếu bạc:* 01 bát sứ màu trắng, dưới đáy bát có ghi chữ "THAI HUY"; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị làm bằng đóm, kích thước mỗi quân 01x0,5cm, một mặt màu trắng, một mặt màu đen; Số tiền 7.000.000 đồng và 01 chiếc chiếu nhựa kích thước 1,6x2m.

** Tạm giữ các đồ vật, tài sản của các đối tượng để điều tra gồm:*

- Tạm giữ của Hoàng Văn T2: 01 điện thoại Realme C17 màu xanh.
- Tạm giữ của Triệu Phúc H: 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu xanh xám, BKS: 21B2 – 188.95.
- Tạm giữ của Vương Văn Tr: 01 điện thoại Xiaomi Redmi Note 10 màu trắng và số tiền 330.000 đồng.
- Tạm giữ của Hoàng Văn V: 01 điện thoại Vivo 1906 màu xanh; 01 xe mô tô Honda AirBlade, màu đỏ, BKS: 24B2 – 241.76 và số tiền 10.000 đồng.
- Tạm giữ của Lương Văn Th: 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu trắng bạc và số tiền 1.135.000 đồng.
- Tạm giữ của Nguyễn Văn N: 01 điện thoại Vivo Y11 màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu tím, BKS: 24V1 – 287.92 và số tiền 120.000 đồng.
- Tạm giữ của Hoàng Đức A: 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu xám và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, BKS: 24V1 – 136.08.
- Tạm giữ của Nguyễn Thanh G: Số tiền 300.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định:

Trưa ngày 19/11/2023, Lương Văn Đ đi ăn đầy tháng tại nhà ông Lương Văn I- sinh năm 1973, trú tại thôn B1, xã Ch, huyện V. Đến khoảng 13 giờ 25 phút cùng ngày, khi vừa ăn cơm xong thì Lương Văn Đ được La Ngọc N, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn B4, xã Ch, huyện V rủ đến nhà bếp của gia đình chị La Thị N6, sinh năm 1986, ở Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai để đánh bạc. Khi đi đến bếp nhà chị N6, Đ không thấy có ai nhưng thấy có chiếu đã trải sẵn trên nền bếp, trên chiếu có một chiếc bát sứ màu trắng, một chiếc đĩa sứ màu trắng và 04 quân vị bằng que đóm với một mặt màu đen, một mặt màu trắng.

Điều ngồi xuống chiếu được khoảng 2 phút thì La Ngọc N6 đi đến và ngồi cùng với Đ để chuẩn bị đánh bạc. Lúc này, Nguyễn Văn N, sinh năm 1978, nơi cư trú: thôn B1, xã Ch, huyện V đến, thấy Đ và N6 đang ngồi ở chiếu có sẵn bát, đĩa, quân vị nên N cũng ngồi xuống cùng Điều và N6. Tại đây, Điều bảo có 300.000 đồng và để Đ xóc cái cho N6, N đánh bạc. N6 và N đồng ý. Trong khi Điều xóc cái cho N6 và N đánh bạc được một số ván thì có một số người đến xem và tham gia đánh bạc, gồm. Hoàng Văn V, sinh năm 1978, nơi cư trú: Thôn B1, xã Ch, huyện V; Triệu Phúc H, sinh năm 2000, nơi cư trú: Thôn S, xã Q, huyện Y, tỉnh B; Lương Văn Th, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn B1, xã Ch, huyện V; Phạm Ngọc Q, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện V; Nông Văn E, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn B4, xã Ch, huyện V; Vương Văn Tr, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn B1, xã Ch, huyện V; Hoàng Văn T2, sinh năm 2002, nơi cư trú: Thôn L2, xã K, huyện V; Nguyễn Thanh G, sinh năm 2002, nơi cư trú: Thôn Kh, xã P, huyện V; Ngô Đức T5, sinh năm 2002 nơi cư trú: Thôn L2, xã K, huyện V tham gia đánh bạc cùng Đ, N6 và N.

Hình thức đánh bạc được quy ước như sau: Đánh chẵn lẻ và quy ước bên phía Điều ngồi là chẵn, Lẻ ở bên đối diện, không giới hạn số tiền tối thiểu và tối đa cho mỗi ván bạc, tỉ lệ được thua là 1 ăn 1. Khi bát mở ra có 03 quân vị cùng màu thì ván đó về lẻ, người chơi đặt cửa lẻ sẽ thắng được số tiền bằng với số tiền đã đặt cược, người chơi đặt cửa chẵn sẽ bị mất số tiền đã cược. Khi bát mở ra, có 02 hoặc 04 quân vị cùng màu thì ván đó về chẵn, người chơi đặt cửa chẵn sẽ thắng được số tiền bằng với số tiền đã đặt cược, người chơi đặt cửa lẻ sẽ bị mất số tiền đã cược. Các ván bạc diễn ra liên tục đến 14 giờ 00 phút ngày 19/11/2023 thì Đội điều tra tổng hợp Công an huyện Văn Bàn phát hiện bắt quả tang.

Các bị cáo khai mang theo số tiền và sử dụng vào việc đánh bạc, như sau:

1. Bị cáo Lương Văn Đ mang theo số tiền 300.000 đồng và sử dụng để đánh bạc, là người xóc cái được lãi một số tiền nhưng không biết bao nhiêu. Đến khi bị bắt đã bỏ hết số tiền xuống chiếu bạc.

2. Bị cáo Hoàng Văn T2 mang theo 200.000 đồng và sử dụng để đánh bạc. Bị cáo đặt ván đầu tiên số tiền 100.000 đồng, khi đang chờ kết quả thì bị bắt, đã bỏ nốt số tiền 100.000 đồng xuống chiếu bạc.

3. Bị cáo Triệu Phúc H mang theo số tiền 200.000 đồng và sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đã đánh thua hết số tiền trên.

4. Bị cáo Vương Văn Tr mang theo 230.000 đồng và sử dụng để đánh bạc. Bị cáo đánh 02 ván, mỗi ván 50.000 đồng và thắng được 100.000 đồng. Khi bắt quả tang đã thu giữ trên người của bị cáo số tiền 330.000 đồng là tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc.

5. Bị cáo Hoàng Văn V mang theo 260.000 đồng, sử dụng 250.000 để đánh bạc. Đánh một số ván, có ván thắng, có ván thua. Khi bắt quả tang đang đặt 100.000 đồng và đã bị thu giữ. Ngoài ra thu giữ trên người của bị cáo số tiền 10.000 đồng là tiền không sử dụng để đánh bạc.

6. Bị cáo Nguyễn Văn N mang theo 320.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Đánh một số ván, có ván thắng, ván thua. Khi bắt quả tang đang đặt 100.000 đồng và đã bị thu giữ.

7. Bị cáo Lương Văn Th mang theo 2.135.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Đánh một số ván, có ván thắng, có ván thua nhưng không rõ cụ thể còn bao nhiêu tiền. Khi bắt quả tang đã bỏ toàn bộ số tiền sử dụng để đánh bạc trên chiếu bạc. Ngoài ra thu giữ trên người của bị cáo số tiền 1.135.000 đồng là tiền không sử dụng để đánh bạc.

8. Bị cáo Phạm Ngọc Q mang theo 200.000 đồng, sử dụng để đánh bạc. Đánh một số ván, có ván thắng, có ván thua và thắng được số tiền 200.000 đồng. Khi bắt quả tang đã bỏ lại số tiền 400.000 đồng trên chiếu bạc.

9. Bị cáo Nguyễn Thanh G mang theo 300.000 đồng, sử dụng để đánh bạc. Đánh ván thứ nhất thắng được 300.000 đồng, ván thứ hai bị cáo đánh 300.000 đồng trên chiếu bạc, khi đang chờ kết quả thì bị bắt quả tang, bỏ chạy và cầm theo 300.000 đồng tiền đánh bạc.

10. Bị cáo Ngô Đức T5 mang theo 200.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc. Đánh một ván 100.000 đồng và thua hết số tiền trên.

11. Bị cáo Nông Văn E mang theo 300.000 đồng, sử dụng để đánh bạc. Đánh một số ván, có ván thắng, ván thua và bị thua hết số tiền nói trên.

12. Bị cáo La Ngọc N6 mang theo 400.000 đồng, sử dụng để đánh bạc. Đánh một số ván, có ván thắng, ván thua và bị thua hết số tiền nói trên.

Quá trình điều tra bị cáo La Ngọc N6 đã chết do bệnh lý. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra đối với bị cáo, không đề cập xử lý là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS-VB ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử các bị cáo: Lương Văn Đ, Hoàng Văn T2, Triệu Phúc H, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Lương Văn Th, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5, Nông Văn E về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu lời luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Lương Văn Đ, Hoàng Văn T2, Triệu Phúc H, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Lương Văn Th, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5 và Nông Văn E phạm tội "Đánh bạc."

Về hình phạt: * Hình phạt chính:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn Đ từ 08 tháng tù đến 09 tháng tù.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt các bị cáo Lương Văn Th, Nguyễn Văn N, Hoàng Văn T2, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V, Triệu Phúc H từ 07 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án

treo, ấn định thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng. Giao các bị cáo Lương Văn Th, Nguyễn Văn N, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V cho Ủy ban nhân dân Xã Ch, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục. Giao bị cáo Hoàng Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục. Giao bị cáo Triệu Phúc H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh B giám sát, giáo dục.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5, Nông Văn E từ 06 tháng đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng. Giao các bị cáo Phạm Ngọc Q, Ngô Đức T5 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục. Giao bị cáo Nguyễn Thanh G cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục. Giao bị cáo Nông Văn E cho Ủy ban nhân dân Xã Ch, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

* Về hình phạt bổ sung: Không.

* Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 7.630.000đ tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng, dưới đáy bát có ghi chữ "THAI HUY"; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị được làm bằng đóm, kích thước 01x0,5cm, một mặt màu trắng, một mặt màu đen; 01 chiếu nhựa kích thước 1,6x2m là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng.

- Tạm giữ một phần hoặc toàn bộ số tiền đã thu giữ của các bị cáo nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trưa ngày 19/11/2023, Lương Văn Đ đi ăn đầy tháng tại nhà ông Lương Văn I tại Thôn B1, xã Ch, huyện V. Đến khoảng 13 giờ 25 phút cùng ngày, khi

vừa ăn cơm xong thì Đ được La Ngọc N6 rủ đến nhà bếp của gia đình chị La Thị N6 ở Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh L để đánh bạc. Khi đi đến bếp nhà chị Ngọc, Điều không thấy có ai nhưng thấy có chiếu đã trải sẵn trên nền bếp, trên chiếu có một chiếc bát sứ màu trắng, một chiếc đĩa sứ màu trắng và 04 quân vị bằng que đóm với một mặt màu đen, một mặt màu trắng. Điều ngồi xuống chiếu được khoảng 2 phút thì La Ngọc N6 đi đến và ngồi cùng với Điều để chuẩn bị đánh bạc. Lúc này, Nguyễn Văn N đến, thấy Đ và N6 đang ngồi ở chiếu có sẵn bát, đĩa, quân vị nên N cũng ngồi xuống cùng Đ và N6. Tại đây, Đ bảo có 300.000 đồng và để Điều xóc cái cho N6, N đánh bạc. N6 và N đồng ý. Trong khi Điều xóc cái cho N6 và N đánh bạc được một số ván thì có một số người lần lượt đến xem và tham gia đánh bạc, gồm: Hoàng Văn V. Triệu Phúc H, Lương Văn Th, Phạm Ngọc Q, Nông Văn E, Vương Văn Tr, Hoàng Văn T2, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5 tham gia đánh bạc cùng Đ, N6 và N.

Các ván bạc diễn ra liên tục đến 14 giờ 00 phút ngày 19/11/2023 thì tổ công tác thuộc Đội điều tra tổng hợp Công an huyện V phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc: 7.000.000đ; 01 bát sứ màu trắng, dưới đáy bát có ghi chữ "THAI HUY"; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị được làm bằng đóm, kích thước 01x0,5cm, một mặt màu trắng, một mặt màu đen; 01 chiếu nhựa kích thước 1,6x2m. Ngoài vật chứng thu trên chiếu bạc còn xác định 630.000đ thu trên người các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Như vậy số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 7.630.000đ (bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra không chứng minh được việc có từ 10 người đặt tiền đánh bạc cùng một ván bạc hoặc phân công người canh gác, cảnh giới... khi các bị cáo đánh bạc.

Quá trình điều tra bị cáo La Ngọc N6 đã chết do bệnh lý. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra đối với bị cáo.

Vì vậy, Bản cáo trạng số 10/CT-VKS-VB ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã truy tố các bị cáo Lương Văn Đ, Hoàng Văn T2, Triệu Phúc H, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Lương Văn Th, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5, Nông Văn E về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Là những người khỏe mạnh, hiểu biết pháp luật nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, ham chơi, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật đã dủ nhau đánh bạc ăn thua bằng tiền. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo Lương Văn Đ là người xóc cái để mọi người đánh bạc, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với vai trò là người thực hành. Các bị cáo Hoàng Văn T2, Triệu Phúc H, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Lương Văn Th, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5, Nông Văn E, trực tiếp đặt tiền tham gia đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là người thực hành, khi quyết định hình phạt của các bị cáo này sẽ tính theo số tiền các bị cáo bỏ ra để đánh bạc.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với bị cáo Lương Văn Đ: Là người xóc cái cho các bị cáo khác đánh bạc, tham gia tích cực từ đầu và dùng 300.000đ để đánh bạc nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo được áp dụng N tiết giảm nhẹ *"người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* và "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"*; gia đình thuộc diện hộ nghèo của xã. Nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

- Đối với các bị cáo Lương Văn Toản, Triệu Phúc H, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Lương Văn Th, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5 và Nông Văn E:

Bị cáo Lương Văn Toản dùng 200.000đ để đánh bạc; bị cáo Triệu Phúc H dùng 200.000đ để đánh bạc; bị cáo Vương Văn Tr dùng 230.000đ để đánh bạc; bị cáo Hoàng Văn V dùng 250.000đ để đánh bạc; bị cáo Nguyễn Văn N dùng 200.000đ để đánh bạc; bị cáo Phạm Ngọc Q dùng 200.000đ để đánh bạc; Nguyễn Thanh G dùng 300.000đ để đánh bạc; Ngô Đức T5 dùng 100.000đ để đánh bạc; Nông Văn E dùng 300.000đ để đánh bạc; bị cáo Lương Văn Th dùng 1.000.000đ để đánh bạc, số tiền bị cáo Thành đánh bạc là nhiều nhất so với các bị cáo khác.

Các bị cáo đều được áp dụng N tiết giảm nhẹ *"người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* và "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"*. Ngoài ra các bị cáo Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5, Nông Văn E sau khi có hành vi vi phạm pháp luật đã ra đầu thú.

Các bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn. Các bị cáo không phải chịu N tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội nguy hiểm cho xã hội không lớn. Có nhiều N tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải xử phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Chính quyền địa phương xác nhận: Gia đình bị cáo Lương Văn Đ thuộc diện hộ nghèo tại địa phương. Các bị cáo khác là lao động tự do hoặc sống bằng nghề trồng trọt, điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập chỉ đủ sinh hoạt cho gia đình và bản thân, không có tài sản riêng gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử không phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Tại phiên tòa các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai về hình phạt và các vấn đề liên quan khác đến vụ án là phù hợp đúng quy định Pháp luật.

[7] Về vật chứng:

** Cơ quan điều tra thu giữ và xác định vật chứng dùng vào việc phạm tội gồm:*

- Đối với tiền Việt Nam 7.630.000 đồng, gồm 7.000.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc; 630.000 đồng thu giữ trên người và các bị cáo giao nộp lại chứng

minh được sử dụng đánh bạc gồm: 330.000 đồng thu giữ của bị cáo Vương Văn Tr; 300.000 đồng bị cáo Nguyễn Thanh G giao nộp. Đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên bị tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 bát sứ màu trắng, dưới đáy bát có ghi chữ "THAI HUY"; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị được làm bằng đóm, kích thước 01x0,5cm, một mặt màu trắng, một mặt màu đen; 01 chiếu nhựa kích thước 1,6x2m. Quá trình điều tra xác định đây là các công cụ được mang đến chiếu bạc với mục đích sử dụng để đánh bạc. Đây là vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

** Đối với vật chứng là các tài sản thu giữ không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu gồm:*

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T2: 01 điện thoại Realme C17 màu xanh.
- Trả lại cho bị cáo Triệu Phúc H: 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu xanh xám, BKS: 21B2 – 188.95.
- Trả lại cho bị cáo Vương Văn Tr: 01 điện thoại Xiaomi Redmi Note 10 màu trắng.
- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn V: 01 điện thoại Vivo 1906 màu xanh; 01 xe mô tô Honda AirBlade, màu đỏ, BKS: 24B2 – 241.76.
- Trả lại cho bị cáo Lương Văn Th: 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu trắng bạc.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N: 01 điện thoại Vivo Y11 màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave Alpha màu tím, BKS: 24V1 – 28792.
- Trả lại cho anh Hoàng Đức A: 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu xám và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, BKS: 24V1 – 136.08.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

** Đối với số tiền thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội gồm*: 1.265.000 đồng, trong đó 1.135.000 đồng thu giữ của bị cáo Lương Văn Th; 120.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn N; 10.000 đồng thu giữ của bị cáo Hoàng Văn V. Tuy nhiên, cần tạm giữ toàn bộ hoặc một phần để đảm bảo thi hành án.

[8] Về các N tiết khác của vụ án:

- Đối với anh Hoàng Đức A là người có mặt tại nơi bắt quả tang. Quá trình điều tra xác định Hoàng Đức A chỉ xem mọi người đánh và không tham gia đánh bạc, nên không đề cập xử lý là phù hợp.
- Đối với chủ nhà là chị La Thị N6 và anh Lương Xuân T7. Quá trình điều tra xác định, chị N6 và anh T7 không biết, không tham gia, không cho thuê, mượn địa điểm để các bị cáo đánh bạc, nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật. Miễn án phí cho bị cáo Lương Văn Đ do gia đình thuộc diện hộ nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lương Văn Đ, Hoàng Văn T2, Triệu Phúc H, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Lương Văn Th, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5 và Nông Văn E phạm tội "Đánh bạc"

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn Đ 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, khi chấp hành án được trừ đi 06 (sáu) ngày đã bị tạm giữ.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn Th 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lương Văn Th cho Ủy ban nhân dân Xã Ch, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân Xã Ch, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Hoàng Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn Tr 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Vương Văn Tr cho Ủy ban nhân dân Xã Ch, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Hoàng Văn V cho Ủy ban nhân dân Xã Ch, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Triệu Phúc H 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Triệu Phúc H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh B giám sát, giáo dục.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Q 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Phạm Ngọc Q cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh G 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thanh G cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Đức T5 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Ngô Đức T5 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn E 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nông Văn E cho Ủy ban nhân dân Xã Ch, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

Các bị cáo được hưởng án treo gồm: Hoàng Văn T2, Triệu Phúc H, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Lương Văn Th, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5 và Nông Văn E. Trong thời gian thử thách, trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 7.630.000đ (bẩy triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bát sứ màu trắng, dưới đáy bát có ghi chữ "THAI HUY"; 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) quân vị được làm bằng đóm, kích thước 01x0,5cm, một mặt màu trắng, một mặt màu đen; 01 (một) chiếu nhựa kích thước 1,6x2m là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng.

- Tạm giữ của bị cáo Lương Văn Th 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án, trả lại cho bị cáo 935.000 (chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn N 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của bị cáo Hoàng Văn V 10.000đ (mười nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 18/3/2024.)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Hoàng Văn T2, Triệu Phúc H, Vương Văn Tr, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Lương Văn Th, Phạm Ngọc Q, Nguyễn Thanh G, Ngô Đức T5 và Nông Văn E mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí cho bị cáo Lương Văn Đ.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- Sở Tư pháp (01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(11);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái